

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+P4+MRM	7:25	6+9+5	0+0+0		1+12+7	0+0+0	
2		TD3+P8+P4	7:25	10+8+4	0+0+0		0+13+7	0+0+0	Chuyến 2 TD3-P8
3		PPD+BK15+TTC1	7:25	21+0+1	0+0+0		20+0+1	0+0+0	Chuyến 1 BK15-TTC1
4		RP3+RP1	9:25	15+6	0+0		13+8	0+0	
5		RP3+BK20	9:25	22+0	0+0		17+4	0+0	
6		RP3+RC5+RC4	9:25	21+0+0	0+0+0		10+7+2	0+0+0	
7		PBDA+P1+P2	11:25	8+4+8	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
8		TD2	11:30	0	0+0+0		17	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: SAVR - P4 - MRM	CREW: HUNG - NAM - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/3896	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ ĐOAN HÙNG	SAVR	06	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THẾ HỜI	SAVR	05	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	SAVR	07	1	10			87	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	SAVR	08	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN NGỌC	SAVR	03-04	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN QUANG	SAVR	01-02	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	63	1	5			75	KHI	Vietnamese
8	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4	65	1	7			90	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	67	1	3			65	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	66	1	3			59	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHÚC	P4	59	1	5	3	51	71	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	64	1	6			68	KHI	Vietnamese
13	LÊ HUY CHƯƠNG	P4	61	1	10			52	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ANH	P4	60	1	9			64	KHI	Vietnamese
15	PHẠM HỮU THỌ	P4	62	1	7			63	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG THÁI VIỆT	MRM	27	1	11			70	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TUYẾT	MRM	24	1	15			74	DVL	Vietnamese
18	ĐỖ MINH HOÀNG	MRM	28	1	15			74	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	MRM	23,25	2	20	1	9	80	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN SÁNG	MRM	21-22	2	14			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	6	431	8	74	0	0	1		
2	P4	9	607	9	55	3	51	12		
3	MRM	5	367	7	75	1	9	7		
TOTAL		20	1.405	24	204	4	60	20		
WEIGHT KG			1.405		204		60			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUỲ HUNG
TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3 - P8 - P4	CREW: TTRUNG - NPHÚ - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/3899	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ THÀNH ĐẠT	TD3	12-13	2	13			72	CODIEN	Vietnamese
2	NGÔ KIM LÂM	TD3	06	1	16			71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	TD3	09	1	9			80	CODIEN	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH NAM	TD3	07	1	10			64	CODIEN	Vietnamese
5	CAO HOÀI THƯƠNG	TD3	08	1	9			67	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD3	10	1	14			60	DVL	Vietnamese
7	LÊ HỮU LƯƠNG	TD3	04	1	10	2	24	74	DVL	Vietnamese
8	MAI VĂN DƯƠNG	TD3	05	1	14			83	DVL	Vietnamese
9	USATENKO DMITRII	TD3	01	1	13			99	DVL	Russian
10	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD3	11	1	17			86	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HẢI LÂM	P8	13	1	9			63	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ BÁ NAM	P8	20-21	2	13			83	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ QUANG HUY	P8	19	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	18	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC MINH	P8	11	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
16	BASKIN OLEG	P8	12	1	9			77	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN MINH TIẾN	P8	16-17	2	20	2	18	75	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P8						70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	02	1	4			53	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN ÁI	P4	03	1	4			59	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	P4	05	1	6			74	PSV	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN HẢI	P4	04	1	6			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	10	756	11	125	2	24	0	2	CHUYEN 02 PAX TD3-P8
2	P8	8	589	9	77	2	18	13		
3	P4	4	241	4	20	0	0	7		
TOTAL		22	1.586	24	222	4	42	20		
WEIGHT KG			1.586		222		42			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:40
B.CARD: VÀNG-1	TO: PPD - BK15 - TTC1	CREW: LTUẤN - QVIỆT - QTRƯỜNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/3901	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	67	1	6	4	70	81	KHI	Vietnamese
2	HUỲNH TÂN THÀNH	PPD	69-70	2	11			69	KHI	Vietnamese
3	VŨ THANH BÌNH	PPD	66	1	3			78	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	68	1	4			75	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	72	1	7			86	KHI	Vietnamese
6	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	62	1	6			55	KHI	Vietnamese
7	ĐÀO XUÂN HÒA	PPD	76	1	6			57	T-TIN	Vietnamese
8	LÊ ANH TUẤN	PPD	60	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TÚ	PPD	71	1	5			65	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	81	1	7			72	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	64	1	8			84	KHI	Vietnamese
12	CAO NAM QUÝ	PPD	79	1	4			69	KHI	Vietnamese
13	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	61	1	6			81	KHI	Vietnamese
14	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	80	1	4			58	KHI	Vietnamese
15	HOÀNG ĐÌNH TỬ	PPD	65	1	10			79	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PPD	63	1	4			67	KHI	Vietnamese
17	LÊ HUY VINH	PPD	78	1	6			63	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	77	1	6			59	KHI	Vietnamese
19	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	75	1	4			68	KHI	Vietnamese
20	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	73	1	10			64	KHI	Vietnamese
21	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	74	1	6			69	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN THÀNH TRUNG	TTC1	84	1	5	2	40	76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	21	1.460	22	131	4	70	20		
2	BK15	0	0	0	0	0	0	0		CHUYỂN 1 PAX TỪ BK15-TTC1
3	TTC1	1	76	1	5	2	40	1		
TOTAL		22	1.536	23	136	6	110	21		
WEIGHT KG			1.536		136		110			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯƠNG MANH TUẤN
NGUYỄN QUANG VIỆT





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - RP1	CREW: HUNG - NAM - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3897	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÕ QUỐC THÔNG	RP3	62	1	12	1	20	82	KH-THAC	Vietnamese
2	MÃ ANH TÍT	RP3	60	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3						87	KHI	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	61	1	3			72	KHI	Vietnamese
5	HÀ VĂN THỦY	RP3	63	1	5			66	KHI	Vietnamese
6	BÙI VĂN PHÚ	RP3	59	1	2			72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	21	1	8			74	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3						89	KHI	Vietnamese
9	SAIFUL BAHARI NGAH	RP3	57-58	2	18			57	BAKER HUGHES	Malaysian
10	AHMAD ILHAM MUNIR HEADIR	RP3	16-17	2	18			74	BAKER HUGHES	Malaysian
11	THANUKOON RUAMSOOKSOMSAKUL	RP3	22-23	2	19			73	BAKER HUGHES	Thailand
12	FAJAR KURNIAWAN	RP3	24-25	2	18			75	BAKER HUGHES	Indonesian
13	PHẠM HOÀNG ĐẠT	RP3	13-15	3	9			87	THIÊN NAM	Vietnamese
14	ZAKARIA LAROUCI	RP3	18-19	2	11			125	THIÊN NAM	Algeria
15	LAKAS ABDELMADJID	RP3	20	1	9			81	THIÊN NAM	Algeria
16	TRẦN BÙI NAM	RP1	05	1	14	1	10	100	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ HUNG HẢI	RP1	03-04	2	16	3	51	71	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN THUẬT	RP1	01	1	8			78	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	RP1	02	1	3			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	15	1.181	20	142	1	20	13		
2	RP1	4	316	5	41	4	61	8		
TOTAL		19	1.497	25	183	5	81	21		
WEIGHT KG			1.497		183		81			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
TRẦN HỒNG NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:59
B.CARD: TRANG-2	TO: RP3 - BK20	CREW: LTUẤN - VIỆT - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3902	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ PHÚC LINH	RP3	73	1	14			66	THIÊN NAM	Vietnamese
2	VÕ THÀNH NHƠN	RP3	85-86	2	19	1	9	62	THIÊN NAM	Vietnamese
3	VÕ HUY TRỌNG	RP3	84	1	18			66	THIÊN NAM	Vietnamese
4	CAO VĂN TÂN	RP3	98-99	2	11			73	THIÊN NAM	Vietnamese
5	HỒ NHỰT MINH	RP3	74	1	18			60	THIÊN NAM	Vietnamese
6	LƯƠNG NGỌC SƠN	RP3	98	1	17			75	THIÊN NAM	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP3	91	1	15			80	THIÊN NAM	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHÍ THÂN	RP3	75-76	2	17			82	THIÊN NAM	Vietnamese
9	ĐINH BÌNH TRỌNG	RP3	97	1	6			73	THIÊN NAM	Vietnamese
10	ĐẶNG HỮU PHƯỚC	RP3	72	1	12			68	THIÊN NAM	Vietnamese
11	LÊ ANH NGUYỄN	RP3	90	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC SƠN	RP3	95-96	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC KHÔI	RP3	92-93	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÂM	RP3	94	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LINH	RP3	77	1	10			62	THIÊN NAM	Vietnamese
16	VÕ VĂN CHUNG	RP3	83	1	6			70	THIÊN NAM	Vietnamese
17	LÊ HOÀNG ANH	RP3	80-81	2	8			65	KHI	Vietnamese
18	ĐƯỜNG HỒNG QUÂN	RP3	87-88	2	5			74	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	82	1	6			83	KHI	Vietnamese
20	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	78-79	2	7			76	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	71	1	4			63	KHI	Vietnamese
22	LE VAN HAO	RP3	87	1	13			78	THIEN NAM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	22	1.552	30	248	1	9	17		
2	BK20	0	0	0	0	3	31	4		
TOTAL		22	1.552	30	248	4	40	21		
WEIGHT KG			1.552		248		40			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LƯƠNG MANH TUẤN
NGUYỄN QUANG VIỆT





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 09:55
B.CARD: VÀNG-2	TO: RP3 - RC5 - RC4	CREW: TTRUNG - NPHÚ - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/3900	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRỊNH QUANG HUY	RP3						70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN Q. BẢO BÌNH	RP3						62	KHI	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	RP3	30-31	2	12			77	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG KHANH	RP3	37-39	3	12			66	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THIÊN TÀI	RP3	32-34	3	20			84	KHI	Vietnamese
6	BÙI DUY GIÁ	RP3	35-36	2	13			54	KHI	Vietnamese
7	TẠ MINH AN	RP3	43	1	9	2	29	86	KHI	Vietnamese
8	LÊ THANH MINH	RP3	25	1	8			67	KHI	Vietnamese
9	DANH ĐANG	RP3	44-45	2	12			64	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HẢI VÂN	RP3	46	1	8			78	KHI	Vietnamese
11	BÙI ĐỨC TRUNG	RP3	55-56	2	19			59	DVL	Vietnamese
12	PHẠM VĂN VUI	RP3	53-54	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SƠN	RP3	51	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP3	52	1	15			79	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN ĐẠO	RP3	47-48	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	50	1	6			67	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ NGỌC QUÍ	RP3	40	1	4			54	PSV	Vietnamese
18	BÙI VĂN LONG	RP3	49	1	4			73	PSV	Vietnamese
19	PHẠM DƯƠNG HẢI	RP3	28-29	2	7			51	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC NGUYỄN	RP3	26	1	5			76	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ ANH	RP3	27	1	10			59	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	RC5	09	1	4	5	79	74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.418	30	204	2	29	10		
2	RC5	1	74	1	4	5	79	7		
3	RC4	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.492	31	208	7	108	19		
WEIGHT KG			1.492		208		108			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: PBDA - P1 - P2	CREW: LINH - N.ANH - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/3898		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	PBDA	50	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ANH TUẤN	PBDA	47	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN TÂM	PBDA	44	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	PBDA	51-52	2	18			61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HOÀNG	PBDA	49	1	16			67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LONG	PBDA	48	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ĐỖ CHÂU TUẤN	PBDA	53	1	17			102	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	PBDA	45	1	14	1	12	73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P1	71	1	5	3	45	76	PSV	Vietnamese
10	LÊ HỒNG MINH	P1	88-89	2	19			69	PSV	Vietnamese
11	DƯƠNG BÁ HÙNG	P1	42	1	5			69	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	P1	69-70	2	16			61	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THUỞNG	P2	84	1	6	3	55	79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P2	81	1	3			63	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HIỆP	P2	83	1	9			76	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG QUỐC LONG	P2	80	1	6			55	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN CÔNG	P2	82	1	6			56	PSV	Vietnamese
18	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	P2	18	1	7			65	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN DOANH	P2	88-90	3	12			65	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN ĐỒNG	P2	85-87	3	11			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	8	583	9	108	1	12	0		
2	P1	4	275	6	45	3	45	6		
3	P2	8	520	12	60	3	55	16		
TOTAL		20	1378	27	213	7	112	22		
WEIGHT KG			1378		213		112			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE:25/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8622	ETD: 11:30
B.CARD:	TO: TD2	CREW: TRƯỜNG - CHIẾN	ETA: 14:30
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM26/3904	

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT ID No	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - TD2								
1	NIL PAX					0	0	0
PAX OUT		0	PAX IN	17	WT:	0	0	0
TOTAL		0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK :

PAX.WEIGHT	0
BAG.WEIGHT	0
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	0

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỦY MAI

ĐẶNG THỦY ANH

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG

ĐỖ VĂN CHIẾN

FINISHED: 10:30

FUEL



CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:



XNLD VIETSOVPETRO

GIÀN TAM ĐÀO 02

Điện thoại: 0918532945

Đường bay: TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 25/8/2026	Nơi xuất phát: BK-TNG	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 11.30'
Chuyến bay: 01	Nơi đến: Vũng tàu	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

Hành khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Lê Huy	XL641	Việt Nam	Thợ NDT	VSP-XNXL	2	20	63
2	Nguyễn Đăng Thành	XL1802	Việt Nam	Thợ NDT	VSP-XNXL	1	20	61
3	Phạm Văn Tân	PSV	Việt Nam	Kỹ thuật viên	VSP-XNXL	1	8	78
4	Trần Mạnh Hùng	XL2266	Việt Nam	Thợ lắp ráp	VSP-XNXL	2	15	72
5	Nguyễn Bá Tiến	XL936	Việt Nam	Thợ lắp ráp	VSP-XNXL	1	15	62
6	Nguyễn Minh Tiến	XL1830	Việt Nam	Thợ cắt	VSP-XNXL	1	15	62
7	Trịnh Văn Tú	XL2313	Việt Nam	Thợ hàn	VSP-XNXL	2	20	65
8	Lê Hồng Quân	XL1254	Việt Nam	Thợ hàn	VSP-XNXL	2	22	66
9	Văn Tiến Duẩn	XL2106	Việt Nam	Thợ hàn	VSP-XNXL	2	22	70
10	Lê Văn Tấn	XL2316	Việt Nam	Thợ cơ khí	VSP-XNXL	2	20	60
11	Nguyễn Thế Anh	XL751	Việt Nam	Thợ cơ khí	VSP-XNXL	2	18	72
12	Phan Văn Học	18868	Việt Nam	Thợ CAM	VSP-XNXL	2	20	60
13	Nguyễn Đình Thành	XL2332	Việt Nam	Thợ lắp ráp	VSP-XNXL	2	15	67
14	Võ Tả Hùng	XL398	Việt Nam	Thợ CAM	VSP-XNXL	2	20	62
15	Nguyễn Tuấn Bình	022083001033	Việt Nam	Thợ điện	PV Gas	2	18	60
16	Trần Quyết Tiến	040084031380	Việt Nam	Thợ cơ khí	PV Gas	2	19	65
17	Lê Đức Cường	PSV	Việt Nam	Phụ bếp	Petrosetco	1	5	57
18	Phạm Đức Thắng	22176	Việt Nam	Kỹ sư	VSP-DVL	1	9	73
Σ	18					30	301	1175

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1			0	0
2			0	0

Ghi chú:

Bs/Quản trị:

Bs. Quách Văn Thao

Đại diện giàn:

Phi công trưởng:

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	18	1175
Hành lý	30	301
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	48	1476